TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 199/2022/DS-PT Ngày 26-12-2022 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán và đòi lại tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng

Bà Trương Tố Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21-12-2022, ngày 26-12-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2022/TLPT-DS ngày 03-10-2022 về tranh chấp hợp đồng hợp đồng mua bán và đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 06-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 190/2022/QĐ-PT ngày 31-10-2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Cẩm T - Chủ hộ kinh doanh TQM 1. Địa chỉ: số HHH, ấp HL, xã NT, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bảo Y. Địa chỉ liên hệ: số BB, khóm TN, phường KH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 06-8-2020 - có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Đỗ Hữu H. Địa chỉ: ấp TC, xã TV, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bà Đỗ Thị K. Địa chỉ: ấp TC, xã TV, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Bà Trần Hồng X. Địa chỉ: số MSB, Tỉnh lộ CBB, ấp HM, thị trấn MX, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Hồng X: Ông Trần Việt H, địa chỉ: LK 02 - 41, đường CB, Khu dân cư MC, Khóm M, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 30-3-2022 - vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Đỗ Thị K, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06-3-2020 và trình bày của ông Trịnh Cẩm T:

Vào tháng 4-2015, Hộ kinh doanh QV (đại diện là vợ chồng ông Đỗ Hữu H, bà Đỗ Thị K và bà Trần Hồng X) cùng ông Trịnh Cẩm T (là Chủ Hộ kinh doanh XT, nay đổi tên thành Hộ kinh doanh TQM 1) có mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản với nhau. Ông T bán thức ăn nuôi tôm nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc, hóa chất nuôi trông thủy sản cho ông H, bà K và bà X. Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, ông H đã giao cho ông T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00344 do Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề cấp ngày 29-11-2012 cho hộ bà Đỗ Thị K. Khi giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai bên tiến hành giao giấy tại Ủy ban nhân dân xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Quá trình giao dịch, ông H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền theo thỏa thuận, cụ thể vào đầu năm 2018 nợ ông T số tiền là 2.877.423.000 đồng, ngày 28-12-2018 nợ 3.288.762.000 đồng nhưng đến ngày 08-6-2019 ông H chỉ thanh toán 100.000.000 đồng và ký xác nhận còn nợ lại 3.188.762.000 đồng. Đến ngày 11-02-2020 ông H thanh toán 30.000.000 đồng, ngày 10-3-2020 thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ lại 3.108.762.000 đồng cho đến nay.

Ông Trịnh Cẩm T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Hữu H, bà Đỗ Thị K và bà Trần Hồng X thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 3.108.762.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) từ ngày 11-3-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 718.175.834 đồng, tổng cộng là 3.826.937.834 đồng.

- Theo trình bày của ông Đỗ Hữu H tại biên bản lấy lời khai ngày 17-6-2022 và tại phiên tòa:

Ông Đỗ Hữu H có mua bán thức ăn nuôi tôm với ông Trịnh Cẩm T từ năm 2014, thời gian đầu mua bán không có ký hợp đồng, đến năm 2018 mới ký hợp đồng và chốt công nợ như phía ông T trình bày. Ông H có thuê nhà của bà Trần Hồng X ở số MSB, Tỉnh lộ CBB, ấp HM, thị trấn MX, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng để mua bán, nhưng không có đăng ký kinh doanh. Việc mua bán của ông H không liên quan gì với bà X và bà Đỗ Thị K. Ông H đồng ý trả số tiền gốc còn nợ là 3.108.762.000 đồng cho ông T, nhưng đề nghị ông T trừ khoản tiền chiết khấu theo thỏa thuận và không tính lãi.

- Theo đơn phản tố ngày 11-5-2020 và trình bày của bà Đỗ Thị K:

Bà Đỗ Thị K không tham gia cùng ông H trong việc mua bán với ông T nên bà K không đồng ý thanh toán nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông T. Bà K cho rằng không cùng ông H thế chấp cho ông T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 611131, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 5, diện tích 16.598m^2 do Uỷ ban nhân dân huyện Trần Đề cấp ngày 29-11-2012 cho hộ bà Đỗ Thị K nên phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả lại Giấy chứng nhận này cho bà K.

- Theo trình bày của bà Trần Hồng X tại đơn yêu cầu ngày 08-5-2020:

Vào năm 2017, bà Trần Hồng X có cho ông Đỗ Hữu H thuê mặt bằng tại đường Lê Lợi, ấp Châu Thành, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng để mua bán. Bà X cho rằng không có mua bán với ông Trịnh Cẩm T nên không chấp nhận yêu cầu của ông T.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 06-7-2022, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

"Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 430, 440, Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 27; Điều 30, Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T - Chủ hộ kinh doanh TQM 1.

Buộc ông Đỗ Hữu H, bà Đỗ Thị K có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ vốn 3.108.762.000 đồng và tiền lãi 718.175.834 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 3.826.937.834 đồng (Ba tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn tám trăm ba mươi bốn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T - Chủ hộ kinh doanh TQM 1 về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Hồng X có trách nhiệm cùng với ông Đỗ Hữu H thanh toán số tiền 3.826.937.834 đồng cho nguyên đơn.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đỗ Thị K về việc yêu cầu nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T - Chủ hộ kinh doanh TQM 1 hoàn trả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 611131, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 5,

diện tích 16.598m^2 do Uỷ ban nhân dân huyện Trần Đề cấp cho hộ bà Đỗ Thị K ngày 29-11-2012.

Buộc ông Trịnh Cẩm T - Chủ hộ kinh doanh TQM 1 hoàn trả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 611131, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 5, diện tích 16.598m^2 do Uỷ ban nhân dân huyện Trần Đề cấp cho hộ bà Đỗ Thị K ngày 29-11-2012 cho bà Đỗ Thị K.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bản án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đỗ Hữu H và bà Đỗ Thị K phải chịu án phí là 108.538.756 đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

5.1. Nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T - Chủ hộ kinh doanh TQM 1 phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền mà nguyên đơn đã nộp là 49.920.000 đồng theo biên lai thu số 0000246 ngày 18-3-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn được nhận lại số tiền là 49.620.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

5.2. Bị đơn bà Đỗ Thị K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008278 ngày 24-5-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng."

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 03-8-2022, bà Đỗ Thị K có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án trên theo hướng hướng không buộc bà K có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Cẩm T số tiền 3.826.937.834 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trịnh Cẩm T không rút lại đơn khởi kiện, bà Đỗ Thị K không rút lại đơn phản tố và vẫn giữa nguyên nội dung kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, việc tuân thủ, chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bà Đỗ Thị K phù hợp quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ông Đỗ Hữu H, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Hồng X là ông Trần Việt H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Về xác định tư cách đương sự trong vụ án, theo đơn khởi kiện ngày 06-3-2020 thì ông Trịnh Cẩm T xác định người bị kiện là Hộ kinh doanh QV do ông Đỗ Hữu H, bà Đỗ Thị K và bà Trần Hồng X là người đại diện, nhưng lại yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà K, bà X cùng có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng còn nợ cho ông T. Khi thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định Hộ kinh doanh QV là bị đơn theo đơn khởi kiện của ông T là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 101 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 66 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14-9-2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Nhưng do thiếu sót này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên cấp phúc thẩm xác định lại bị đơn trong vụ án là ông Đỗ Hữu H, bà Đỗ Thị K và bà Trần Hồng X cho phù hợp.

[4] Xét kháng cáo của bà Đỗ Thị K, Hội đồng xét xử thấy rằng việc mua bán giữa ông Đỗ Hữu H và ông Trịnh Cẩm T được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của bà K và ông H. Trước khi mua bán với ông T thì bà K, ông H không có thỏa thuận nào xác định đây là hoạt động kinh doanh riêng của ông H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà K cũng thừa nhận bà K và ông H cùng kinh doanh trong lĩnh vực mua bán thức ăn chăn nuôi tôm từ năm 2004, nhưng từ năm 2008 thì ngừng kinh doanh chung cho đến nay.

[5] Tuy nhiên, bà K không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh bà K và ông H không còn kinh doanh chung từ năm 2008. Tại khoản 1 Điều 25 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định "Trong trường hợp vợ, chồng kinh doanh chung thì vợ, chồng trực tiếp tham gia quan hệ kinh doanh là người đại diện hợp pháp của nhau trong quan hệ kinh doanh đó…" và theo khoản 1 Điều 27 Luật này thì vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch phù hợp với quy định về đại diện phát sinh từ các giao dịch này. Nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và buộc bà K cùng có trách nhiệm với ông H trong việc thanh toán số tiền 3.826.937.834 đồng còn nợ cho ông T là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Bà K kháng cáo cho rằng khoản nợ của ông H đối với ông T là nợ riêng của ông H và không liên quan đến bà K là không có căn cứ.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã ra Quyết định số 04/2022/QĐ-BPKCTT ngày 17-10-2022 áp dụng biện pháp

khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của ông Đỗ Hữu H và bà Đỗ Thị K để bảo đảm thi hành án. Do vụ việc được giải quyết bằng bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời này theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 138, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị K là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà K và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Do án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà Đỗ Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 138, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị K.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 06-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T - Chủ hộ kinh doanh TQM 1.

Buộc ông Đỗ Hữu H, bà Đỗ Thị K có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ vốn 3.108.762.000 đồng và tiền lãi 718.175.834 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 3.826.937.834 đồng (Ba tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn tám trăm ba mươi bốn đồng).

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T - Chủ hộ kinh doanh TQM 1 về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Hồng X có trách nhiệm cùng với ông Đỗ Hữu H thanh toán số tiền 3.826.937.834 đồng cho nguyên đơn.

2.3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đỗ Thị K về việc yêu cầu nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T - Chủ hộ kinh doanh TQM 1 hoàn trả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 611131, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 5, diện tích 16.598m^2 do Uỷ ban nhân dân huyện Trần Đề cấp cho hộ bà Đỗ Thị K ngày 29-11-2012.

Buộc ông Trịnh Cẩm T - Chủ hộ kinh doanh TQM 1 hoàn trả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 611131, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 5, diện tích 16.598m^2 do Uỷ ban nhân dân huyện Trần Đề cấp cho hộ bà Đỗ Thị K ngày 29-11-2012 cho bà Đỗ Thị K.

2.4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bản án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.5.1. Bị đơn ông Đỗ Hữu H và bà Đỗ Thị K phải chịu án phí là 108.538.756 đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

2.5.2. Nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T - Chủ hộ kinh doanh TQM 1 phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền mà nguyên đơn đã nộp là 49.920.000 đồng theo biên lai thu số 0000246 ngày 18-3-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn được nhận lại số tiền là 49.620.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

2.5.3. Bị đơn bà Đỗ Thị K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008278 ngày 24-5-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà Đỗ Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005505 ngày 12-8-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; bà Đỗ Thị K đã nộp xong án phí phúc thẩm.

4. Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 04/2022/QĐ-BPKCTT ngày 17-10-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND huyện Mỹ Xuyên;
- VKSND T. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Khương